

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Mỹ Tho

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bá Lộc

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1996 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ D, ấp R, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1996 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà I đường C, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là tổ A, khu phố H, thị trấn L, huyện L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà Trần Thị Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 29/6/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại huyện D, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 12/2022 vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống liên quan đến vấn đề tình cảm, kinh tế gia đình. Cũng từ tháng 12/2022 đến nay, vợ chồng ly thân, ông C chuyển về L sinh sống cùng với bố mẹ ông C.

Nay, bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà N xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 12/8/2018. Hiện nay, cháu N1 đang ở với bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N1 và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 11/8/2023, bị đơn - ông Nguyễn Quốc C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C và bà N tự nguyện chung sống vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 37 ngày 29/6/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến tháng 12/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Cũng từ tháng 12/2022 vợ chồng ly thân, không còn sống chung nhà nữa. Mặc dù, vợ chồng và gia đình hai bên đã hòa giải đoàn tụ nhưng không được.

Nay, bà N yêu cầu ly hôn thì ông C đồng ý ly hôn với bà N.

- Về con chung: Ông C xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 12/8/2018. Ông C đồng ý bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N1 và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70,72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà N được ly hôn với ông C. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N1, sinh ngày 12/8/2018 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có địa chỉ tại huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ

án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn - ông Nguyễn Quốc C được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông C tự nguyện chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N:

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Theo bà N và ông C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống mà cả hai không thể giải quyết được. Từ tháng 12/2022 đến nay, vợ chồng ly thân, không còn sống chung nhà nữa. Trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, ông C cũng đồng ý ly hôn với bà N. Do điều kiện công việc không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án nên ông C đã có bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt.

Điều này cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[2.3] Về con chung: Bà N và ông C xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 12/8/2018. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con. Tại bản tự khai ngày 11/8/2023 ông C đồng ý với yêu cầu của bà N. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu N1 cho bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim N đối với ông Nguyễn Quốc C về việc “Tranh chấp ly hôn”.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim N được ly hôn ông Nguyễn Quốc C.

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh N1, sinh ngày 12/8/2018 cho bà Trần Thị Kim N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị Kim N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000900 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Đương sự;
- UBND X. Phú Lộc, H. Tân Phú,
- T. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Mỹ Tho

